

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2026

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm và bà Trần Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế (địa chỉ: số E Đ, phường H, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐ-ST ngày 21/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐ-HNGĐ ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1975; căn cước công dân số: 031175009253; địa chỉ: Thôn Q, xã B, thành phố H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Văn T, sinh năm: 1981; căn cước công dân số: 046081013835; địa chỉ: Thôn Q, xã B, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/11/2025, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đào Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng hai năm rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) vào ngày 10/8/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của ông T được thời gian khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, ông T nọ nằn, cò bạc; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đào Văn T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng ông T không đến. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo quy định pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không trình bày ý kiến về các nội dung liên quan đến vụ án.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 19/12/2025 tại Công an xã B cho biết ông Đào Văn T hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã B, thành phố H; trưởng thôn Q, xã B, thành phố H cung cấp thông tin: ông Đào Văn T làm nghề lái xe đường dài nên không thường xuyên có mặt tại địa phương nhưng thường xuyên liên lạc về địa phương để trao đổi, hỏi han khi có công việc cần thiết; vợ chồng bà H, ông T có thời gian chung sống tại địa phương ngắn nên mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Thanh H được ly hôn ông Đào Văn T; về con chung: Bà H khai không có, không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thanh H khởi kiện ly hôn ông Đào Văn T, bà H và ông T đều có địa chỉ cư trú tại thôn Q, xã B, thành phố H, nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ lần thứ hai văn bản tố tụng, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh H và ông Đào Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng hai năm rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã B, thành phố H) vào ngày 10/8/2022. Theo bà H trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của ông T một thời gian khoảng 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, ông T nợ nần, cờ bạc; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2023 cho đến nay.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với bà H để thuyết phục đoàn tụ vợ chồng nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T; đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng, nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn ông T là đúng với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà H khai không có, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H, cho bà Trần Thị Thanh H được ly hôn ông Đào Văn T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thanh H khai không có, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thanh H khai không có, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000930

ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H; bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3-Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Điền, thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dũng